

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 02/12/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng ủy quyền.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh và bà Nguyễn Thị Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 04/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh H** (tên khác: *Nguyễn Minh H*); địa chỉ: Tổ dân phố 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh L; *người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, địa chỉ: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ;

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức Th**; địa chỉ: Số nhà 3A, tổ dân phố 16 (nay là tổ dân phố 7), phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Liễn Đình Th; địa chỉ: Số nhà 22, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh L; *người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, địa chỉ: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H và ông Liễn Đình Th có thừa đất nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Nguyễn Bá Linh và bà Lê Thị Lúa theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/4/2001, có xác nhận của UBND

phường Thanh Bình, thị xã Điện Biên Phủ (nay là thành phố Điện Biên Phủ).

Ngày 15/8/2018 bà H và ông Th ký giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Th với nội dung: Bà H và ông Th ủy quyền cho ông Th thực hiện các công việc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Linh và bà Lúa đã chuyển nhượng cho ông Th và bà H tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nói trên. Để thực hiện việc ủy quyền, bà H và ông Th đã giao cho ông Th bản gốc những giấy tờ có liên quan đến việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất và biên lai thu thuế sử dụng đất... Việc ủy quyền không có thù lao và được công chứng cùng ngày 15/8/2018.

Từ khi ủy quyền đến nay, ông Th không thực hiện việc ủy quyền mà không có lý do gì, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu. Bà H đã thông báo cho ông Th về việc hủy Giấy ủy quyền và đã một lần khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy ủy quyền giữa các bên, nhưng do bận công việc nên bà H đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu:

- Hủy giấy ủy quyền ngày 15/8/2018 giữa bên ủy quyền là ông Liễu Đình Th, bà Nguyễn Thị Minh H và bên nhận ủy quyền là ông Nguyễn Đức Th;

- Yêu cầu ông Th trả cho bà H bản gốc các giấy tờ đã nhận khi lập hợp đồng ủy quyền, gồm:

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/4/2001 có xác nhận của UBND phường Thanh Bình, thị xã Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Bá Linh, bà Lê Thị Lúa và bên nhận quyền nhượng là ông Liễu Đình Th, bà Nguyễn Minh H;

+ Biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất số 004332 ngày 21/5/2001;

+ Biên lai thu thuế các năm 2002, 2003, 2004, 2006, 2007;

+ Mảnh trích đo địa chính số thửa đất 129 tờ bản đồ số 05;

+ Biểu tổng hợp diện tích từng chủ sử dụng đất, bản tổng hợp diện tích theo hiện trạng sử dụng đất, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

Nguyên đơn đã gửi bản sao đơn khởi kiện và bản sao các tài liệu, chứng cứ cho ông Th qua bưu điện, nhưng ông Th từ chối nhận, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi các văn bản này theo quy định của pháp luật. Ông Th không có thiện chí trong việc giải quyết vụ việc, nên nguyên đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải.

2. Bị đơn ông Nguyễn Đức Th trình bày: Ông Th không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại các phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liễu Đình Th trình bày: Ông Th đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến gì khác và không có yêu cầu độc lập.

4. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 562, 569 của Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấm dứt việc ủy quyền giữa các bên và bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn các giấy tờ đã nhận khi được ủy quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06/07/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H nộp đơn khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng ủy quyền đối với bị đơn ông Nguyễn Đức Th, có địa chỉ tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngày 15/7/2022 nguyên đơn nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí; cùng ngày Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã thụ lý vụ án theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 (sau đây ghi tắt là BLTTDS).

- Các vấn đề khác:

+ Tại giấy ủy quyền đang tranh chấp thể hiện bị đơn có địa chỉ tại số nhà 3A, tổ dân phố 16 (nay là tổ dân phố 7), phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; tại địa chỉ này có cửa hàng kinh doanh xe máy của gia đình bị đơn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cùng bản sao đơn khởi kiện và bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho bị đơn theo địa chỉ trên, nhưng bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ, không rõ thời điểm trở về, nên không tổng đạt trực tiếp được; các văn bản trên được niêm yết theo Điều 177 và Điều 179 của BLTTDS. Trước đó nguyên đơn cũng đã gửi cho bị đơn bản sao đơn khởi kiện và bản sao các tài liệu chứng cứ theo đường bưu điện, nhưng bị đơn từ chối nhận.

+ Bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giấy ủy quyền ngày 15/8/2018 giữa bên ủy quyền là ông Liễu Đình Th, bà Nguyễn Thị Minh H và bên nhận ủy quyền là ông Nguyễn Đức Th được công chứng cùng ngày tại văn phòng công chứng Xuân Phúc; Giấy ủy quyền có nội dung sau:

- Nội dung ủy quyền: Bên ủy quyền có ủy quyền cho bên nhận ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến thừa đất theo hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất ngày 16/4/2001 giữa bên nhận chuyển nhượng là ông Th, bà H và bên chuyển nhượng là ông Linh, bà Lúa, có xác nhận của UBND phường Thanh Bình, thị xã Điện Biên Phủ (*nay là thành phố Điện Biên Phủ*)...;

- Giao nhận giấy tờ: Bên ủy quyền đã bàn giao cho bên nhận ủy quyền bản gốc các giấy tờ sau:

+ 01 "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 16/4/2001 có xác nhận của UBND phường Thanh Bình, thị xã Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Bá L, bà Lê Thị L và bên nhận quyền nhượng là ông Liễu Đình Th, bà Nguyễn Minh H;

+ 01 Biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất số 004332 ngày 21/5/2001;

+ Biên lai thu thuế các năm 2002, 2003, 2004, 2006, 2007;

+ Mảnh trích đo địa chính số thửa đất 129, tờ bản đồ số 05;

+ Biểu tổng hợp diện tích từng chủ sử dụng đất, bản tổng hợp diện tích theo hiện trạng sử dụng đất, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

- Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ký giấy ủy quyền cho đến khi thực hiện xong công việc ủy quyền.

- Thù lao: Giấy ủy quyền không có nội dung về thù lao.

Theo nguyên đơn thì: Sau khi ký giấy ủy quyền, bị đơn không thực hiện công việc được ủy quyền, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy việc ủy quyền đã giao kết với bị đơn. Trước khi khởi kiện lần này, nguyên đơn cũng đã một lần khởi kiện về việc này, nhưng sau đó rút đơn và tòa án đã đình chỉ. Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không trả lời thông báo của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa; điều đó thể hiện bị đơn đã tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trước Tòa án; có ý thức bỏ mặc sự việc. Nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền. Yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 569 của BLDS nên HĐXX cần chấp nhận. Hợp đồng ủy quyền không có thù lao và bị đơn không có yêu cầu phản tố, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn; nguyên đơn sẽ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 và Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015:

Căn cứ vào các Điều 562, 569 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Minh H:

- Chấm dứt việc thực hiện hợp đồng ủy quyền tại "Giấy ủy quyền" ngày 15/8/2018, số công chứng 3641/2018, quyền 01-TP/CC-SCC/GUQ ngày 15/8/2018 của Văn phòng công chứng số Xuân Phúc, giữa bên ủy quyền là ông Liễu Đình Th và bà Nguyễn Thị Minh H, với bên nhận ủy quyền là ông Nguyễn Đức Th.

- Ông Nguyễn Đức Th có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh H bản gốc các giấy tờ đã nhận khi được ủy quyền như sau:

+ 01 "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 16/4/2001 có xác nhận của UBND phường Thanh Bình, thị xã Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Bá L, bà Lê Thị L và bên nhận quyền nhượng là ông Liễu Đình Th, bà Nguyễn Minh H;

+ 01 Biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất số 004332 ngày 21/5/2001;

+ Biên lai thu thuế các năm 2002, 2003, 2004, 2006, 2007;

+ Mảnh trích đo địa chính số thửa đất 129, tờ bản đồ số 05;

+ Biểu tổng hợp diện tích từng chủ sử dụng đất, bản tổng hợp diện tích theo hiện trạng sử dụng đất, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

2. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện về việc chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0001974 ngày 15/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ; bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung